

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ĐẮKLẮK
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: /BCT - BVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng 09 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH
SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG THÁNG 09
(Từ ngày 16 tháng 08 đến ngày 15 tháng 09 năm 2022)

Kính gửi : - Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

1. Thời tiết trong tỉnh:

- Nhiệt độ: Thấp nhất: 22 - 24⁰C; Cao nhất: 29-31⁰C.
- Độ ẩm trung bình từ: 80 -85 %.
- Nhận xét khác: Có mây, ngày nắng, chiều tối và tối có mưa rào rải rác và có nơi có dông, đêm có mưa rào và dông vài nơi. Gió tây nam cấp 2. Cần đề phòng lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh trong cơn dông.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

2.1. Tiến độ gieo trồng vụ Hè Thu 2022

Cây trồng hàng năm	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Lúa nước	làm đòng- trổ sớm- TH RR	66.498/60.000
Ngô	phát triển thân lá- trổ cò- chín	51.515 /52.370
Khoai lang	PTTL	3.074/2.310
Đậu các loại	Thu hoạch	10.213/11.000
Đậu xanh	Thu hoạch	6.012 /5.900
Đậu nành	Thu hoạch	1.512/1.500
Đậu lạc	Thu hoạch	2.565/2.500
Rau các loại	Các giai đoạn	4.514/4.820
Sắn	Phát triển thân lá, hình thành củ	39.007/40.500
Mía	Đẻ nhánh- Vươn lóng	9.964/14.000
Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	8.966/9.000
Cây trồng lâu năm		
Cây cà phê	Quả xanh	213.336
Cây tiêu	Chăm sóc - Ra đợt non	32.840
Cây cao su	Các giai đoạn sinh trưởng	34.333
Cây điều	Giai đoạn chăm sóc	27.702
Ca cao	Các giai đoạn sinh trưởng	1.140
Cây ăn quả các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	42.957
Cây trồng khác	Các giai đoạn sinh trưởng	2.141

II. TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 08 NĂM 2022:

* Nhóm cây ăn quả:

1. Trên cây sầu riêng: Rầy bông (rầy phấn, tua trắng) TLH 4-23%, DTN 39 ha (Ea Kar, Krông Búk, Krông Pắc); Rầy nhảy TLH 5-15% DTN 03ha (Krông Năng). Bệnh thối gốc TLH 3-8% DTN 02ha (Krông Pắc). Bệnh thối rễ TLH 8-18% DTN 1,3 ha (EaKar). Bệnh đốm rong (tảo) TLH 3-25% DTN 18 ha (Krông Pắc, TX Buôn Hồ, EaKar); Bệnh thán thư TLH 3-14% DTN 10 ha (Krông Pắc, Tx. Buôn Hồ); Bệnh cháy lá, chết đột TLH 10-25% DTN 04ha (EaKar); Bệnh thối trái TLH 3-9% DTN 4ha (Krông Pắc); Bệnh chảy gôm TLH 5-12% DTN 04ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Năng). Một đục cành, bệnh héo chết nhanh do nấm *Phytophthora*,...gây hại rải rác.

2. Trên cây có múi (cam quýt): Sâu vẽ bùa TLH 20-25% DTN 8 ha (Ea Kar); Bệnh Greening TLH 10-35% DTN 3,5 ha (Ea Kar); Ruồi đục trái, sâu tiện vỏ, dòi đục lá, sâu đục thân, thán thư, bệnh vàng lá gân xanh gây hại rải rác.

3. Trên cây nhãn: Rệp sáp TLH 10-18% DTN 04ha (Eakar). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

4. Trên cây Bơ: Bọ xít muỗi TLH 5-16% DTN 07 ha (Tx. Buôn Hồ); Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

5. Trên cây chanh leo: Bệnh đốm nâu TLH 6-18% DTN 9ha (EaKar, Tx. Buôn Hồ). Ruồi đục quả TLH 5-10% DTN 05ha (TX Buôn Hồ). Rệp muội TLH 7-16% DTN 04ha (EaKar). Bệnh héo rũ TLH 6-12% DTN 1,6ha (EaKar).

* Nhóm cây CN lâu năm:

6. Trên cây ca cao: Bọ xít muỗi TLH 8-25% DTN 04 ha (Ea Kar); Bệnh cháy lá TLH 15-30% DTN 04 ha (Ea Kar); Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác.

7. Trên cây cà phê: Bệnh gỉ sắt TLH 3-27% DTN 27ha (Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, TX Buôn Hồ); Bệnh khô cành TLH 2-25% DTN 37 ha (Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Cư Kuin); Bệnh đốm mắt cua TLH 5-27% DTN 06 ha (Krông Pắc); Bệnh nấm hồng TLH 3-10% DTN 21ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Búk). Rụng quả cà phê TLH 5-7% DTN 08ha (Cư Kuin, TX. Buôn Hồ); Bệnh đốm mắt cua TLH 7-26 DTN 07ha (Krông Pắc). Rệp sáp TLH 3-10% DTN 28 ha (TX Buôn Hồ, Krông Búk); Rệp vảy (xanh, nâu) TLH 5-15% DTN 18 ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc); Một đục cành TLH 3-5% DTN 5,5 ha (TX Buôn Hồ, Cư Kuin); Bọ cánh cứng ăn lá cà phê TLH 4-15% DTN 2,5ha (Krông Năng); Sâu đục thân mình hồng TLH 8-25% DTN 11ha (EaKar) và Các loại sâu, bệnh hại khác gây hại không đáng kể.

7. Trên cây điều: Bệnh thán thư TLH 5-35%, DTN 18 ha (Krông Búk, Ea Kar); Bọ xít muỗi TLH 4-8%, DTN 10 ha (Krông Búk). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

8. Trên cây hồ tiêu: Bệnh vàng lá chết chậm TLH 2-25%, DTN 130,3 ha (Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc, Krông Búk); Bệnh chết nhanh TLH 2-22%, DTN 67,8 ha (Cư Kuin, Buôn Đôn, Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar); Bệnh đốm tảo TLH 5-20%, DTN 11 ha (Krông Pắc, Krông Búk); Bệnh nấm hồng

TLH 10-35% DTN 10ha (EaKar); Tuyến trùng TLH: 5-15%, DTN 10 ha (TX Buôn Hồ, CuKuín); Bệnh khảm lá virus TLH 3-7% DTN 03ha (CuKuín); Bọ xít lưới TLH 5-18% DTN 34ha (Ea Kar, Cu Kuín, Krông Năng, Krông Buk, Krông Pắc); Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

9. Trên cây cao su: Bệnh đốm mắt chim TLH 5-15% DTN 1.5ha (Krông Năng)

*** Nhóm cây CN ngắn ngày:**

10. Trên cây sắn (mì): Khảm lá do virus gây hại TLH 5-90%, DTN 83 ha (Ea Súp, EaKar, Krông Bông); Đốm nâu TLH 10-20% DTN 06ha (EaKar). Bệnh lở cổ rễ TLH 10-30% DTN 01ha (Krông Bông) và Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

11. Trên cây mía: Sâu đục thân TLH 6-18% DTN 12 ha (Ea Kar) giảm 04ha so với kỳ trước; Bệnh phấn trắng TLH 10-20% DTN 08ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây lương thực:**

12. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu TLH 2-25% DTN 13ha (Ea Kar, Krông Buk); Đốm lá nhỏ TLH 6-15% DTN 08ha (TX. Buôn Hồ); Sâu đục bắp TLH 1-3% DTN 05ha (Tx. Buôn Hồ). Đốm lá lớn TLH 10-20% DTN 03ha (EaKar) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Trên cây lúa:

Sâu cuốn lá nhỏ TLH 3-9% DTN 10ha (Krông Pắc, TX Buôn Hồ, Krông Bông); Bọ trĩ TLH 5-10% DTN 05ha (TX. Buôn Hồ); Sâu đục thân TLH 5-25% DTN 14ha (Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Bông); Chuột hại TLH 7-15% DTN 08ha (EaKar); Rầy nâu 8-25c/m² · MĐ cao 500-1.000 c/m² DTN 8,5ha (EaKar, Krông Bông (0,5)).

Bệnh đạo ôn lá TLH 5-30% DTN 21,7ha (Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ, Krông Bông, Krông Năng); Bệnh khô vằn TLH 5-25% DTN 10,2ha (Ea Kar, Cu Kuín, Krông Bông); Bệnh vàng lá, thối rễ TLH 8-25% DTN 13ha (EaKar); Bệnh bạc lá TLH 3-20% DTN 06ha (Ea Súp, TP Buôn Ma Thuột); Bệnh Vàng lá chín sớm TLH 4-25% DTN 13ha (Krông Pắc); Bệnh vàng lá do vi khuẩn TLH 6-25% DTN 15ha (EaKar, CuKuín); Ngộ độc phèn TLH 5-10% DTN 0.7ha (Krông Bông); Bệnh lép lép hạt TLH 15-30% DTB 07ha (EaSup); Bệnh đạo ôn cổ bông TLH 5-10% DTN 05ha (CuKuín); Bệnh thối bẹ TLH 3-5% DTN 3,2ha (Krông Bông); Nghẹt rễ TLH 5-10% DTN 1,4ha (Krông Bông) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

*** Nhóm cây rau màu:**

14. Hành tỏi: Dòi đục lá TLH 8-16% DTN 1,3 ha (EaKar); Bệnh thối gốc mốc trắng TLH 8-18% DTN 1,3ha (EaKar); Bệnh đốm vòng TLH 8-25% DTN 03ha (EaKar) và Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Cà chua: Bệnh xoăn lá TLH 8-12% DTN 2,6 ha (Ea Kar); Bệnh héo xanh TLH 3-7% DTN 02ha (CuKuín). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

14. Rau thập tự: Sâu xám TLH 20-30% DTN 04 ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 09 NĂM 2022:

1. Trên cây lúa: Các đối tượng sinh vật gây hại chính tiếp tục gây hại trên lúa vụ Hè Thu, trong đó có: Tăng cường công tác điều tra, theo dõi rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh thối vi khuẩn..... để xử lý kịp thời hiệu quả không cho dịch hại lây lan trên diện rộng.

2. Trên cây cà phê: Rệp sáp hại cành, rệp vảy nâu, vảy xanh, một đục cành Bệnh gỉ sắt, bệnh khô cành, khô quả gây hại rải rác trên cây cà phê giai đoạn quả xanh – chín bói.

3. Trên cây tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc, cành...gây hại giai đoạn ra hoa- nuôi quả.

4. Trên rau các loại: Cần chú ý các đối tượng sâu tơ, sâu xanh, bọ nhày....gây hại nhiều giai đoạn trên cây rau màu. Ruồi đục quả, bệnh mốc sương, đốm lá chủ yếu trên cây cà chua và họ bầu bí.

5. Trên ngô, đậu: Sâu keo mùa Thu, sâu đục thân, đục quả bắp, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn... gây hại trên ngô giai đoạn trổ cờ - thâm râu - tạo quả. Sâu ăn lá, sâu xanh, sâu khoang, bệnh rỉ sắt, bệnh lở cổ rễ, thối rễ, sâu đục thân, gây hại rải rác.

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, bọ phấn, rệp sáp bột hồng, nhện đỏ gây hại cục bộ, bệnh chổi rồng, bệnh đốm lá, cháy lá vi khuẩn...gây hại rải rác trên cây sắn giai đoạn phát triển thân lá.

7. Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư tiếp tục phát sinh gây hại mạnh giai đoạn ra đợt non và gây hại nặng cục bộ những vườn chăm sóc kém.

8. Trên ca cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành, câu câu ăn lá, bộ gặm nhấm gây hại rải rác.

9. Trên cây mía: Sâu đục thân, sùng đục gốc, bệnh đốm lá, bệnh bạc trắng lá phát sinh chủ yếu giai đoạn mía đẻ nhánh - vươn lóng gây hại cục bộ những vùng ổ dịch.

10. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ thân cành, bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây sầu riêng, Bơ, Thắc long: Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh héo chết nhanh do *Phytophthora* trên cây sầu riêng, bệnh đốm nâu thanh long,... phát sinh gây hại tăng do điều kiện thời tiết mưa nhiều và ẩm độ cao.

12. Cây nhãn, vải: Bệnh chổi rồng nhãn, bọ xít nâu, sâu đo, bệnh thán thư, bệnh sương mai hại tăng.

13. Cây ăn quả có múi: Sâu đục quả; bệnh chảy gôm, bệnh vàng lá thối rễ, bệnh Greening,... tiếp tục phát sinh và gây hại.

14. Cây rừng trồng: Sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, chết héo, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG TRONG THÁNG TỚI:

Các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình sinh vật gây hại và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện, UBND cấp

xã tuyên truyền hướng dẫn phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa, rau màu, cây công nghiệp.

Bổ trí cán bộ điều tra, tổng hợp báo cáo các đối tượng SVGH trên cây ăn quả như cây sầu riêng, cây chuối, cây chanh dây, cây nhãn, vải, xây dựng tuyến điều tra, tại các vùng đã, đang được cấp mã vùng trồng tại địa phương...

*** Trên lúa vụ Hè Thu 2022**

- Điều tra theo dõi, dự tính dự báo và hướng dẫn nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu cuốn lá nhỏ sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá, bệnh khô vằn,.....tiếp tục gây hại chủ yếu lúa giai đoạn đòng trổ ... có biện pháp xử lý kịp thời.

- Chuột: Gây hại hại cục bộ trên lúa Hè Thu giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ và Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

*** Cây ngô:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu cao, hướng dẫn nông dân chủ động phòng trừ sâu bằng các biện pháp ngắt ổ trứng đem tiêu hủy và phun các loại thuốc đúng nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo, phun kép 2-3 lần, mỗi lần cách nhau từ 7-10 ngày.

*** Trên cà phê:** Tăng cường kiểm tra theo dõi sát diễn biến của rệp sáp hại cành và các đối tượng sâu, bệnh hại khác (rỉ sắt, nấm hồng, thối nứt thân, tuyến trùng, mọt đục cành, mọt đục quả...).

*** Trên cây tiêu:** Kiểm tra diễn biến bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyến trùng gây hại rễ và hướng dẫn người dân phòng trừ...

*** Trên cây sắn:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn, hướng dẫn xử lý triệt để phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ bỏ và tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá sắn do virus, không sử dụng cây bị bệnh làm giống.

*** Trên cây sầu riêng:** Tăng cường hướng dẫn nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc vườn cây, quy trình quản lý bệnh *Phytophthora* hại trên cây sầu riêng.

*** Trên ca cao, điều, cao su:** Tiếp tục theo dõi các đối tượng như bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cạo trên cây cao su, bọ xít muỗi, bệnh thán thư hại điều.

*** Đối với rừng trồng:** Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng trồng cho các chủ rừng theo công văn hướng dẫn số 649/SNN-TTBVTV ngày 31/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành. Theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo phòng trừ kịp thời bệnh chết cây keo ở các vùng trồng keo.

*** Trên cây rau:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình an toàn, chương trình VietGap, sản xuất rau hữu cơ.

* **Cây trồng khác:** Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như: Bệnh chổi rồng hại nhãn, chôm chôm, bệnh đốm nâu thanh long, sâu bệnh hại cam quýt, xoài... theo quy trình phòng trừ của Cục BVTV đã ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến Quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo vàng lá chuối theo Công văn số 173/TTBVTB-BVTB ngày 15/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và BVTB.

- Tiếp tục theo dõi, triển khai ứng dụng của công nghệ, thiết bị iMetos trong dự báo, cảnh báo thời tiết, sâu bệnh dịch bệnh nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Công nghệ iMetos trong quan trắc, thu thập và cảnh báo sớm, phát đáp với các diễn biến bất thường của thời tiết tiểu vùng, cảnh báo, dự tính, dự báo sớm tới người nông dân, nhà quản lý, nhà chuyên môn và cho cộng đồng như: tính toán lịch gieo cấy, thu hoạch, cảnh báo sớm sâu bệnh cho cây trồng và gia súc, cảnh báo thiên tai, dự báo năng suất, thời điểm thu hoạch thuận lợi để đáp ứng được nhu cầu của ngành nông nghiệp, chính quyền địa phương, đặc biệt nhờ đó người nông dân có thể chủ động trước diễn biến phức tạp của thời tiết, góp phần giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Củng cố hệ thống bẫy đèn, phần mềm PPDMS để phục vụ cho công tác Dự tính dự báo nhằm khuyến cáo, cảnh báo sâu, bệnh ngay từ đầu vụ để kịp thời chỉ đạo bảo vệ tốt sản xuất vụ Hè thu 2022./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CC (b/c);
- Trạm TTBVTB các huyện, Tx, Tp (T/h);
- Trang Web (CC.TTBVTB);
- Lưu VT- P.BVTB (G-25b).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Hắc Hiên

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Từ ngày 16 tháng 08 đến hết ngày 15 tháng 09 năm 2022

Cây trồng	Tên SVGH	GĐST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)		
	Nhóm cây: Cây ăn quả												
Bơ	Bọ xít muỗi	Thu hoạch-sau thu hoạch-thu hoạch	4 - 10	8 - 16	5	2	0	7	0	5.0	2.6	0	TX Buôn Hồ, Krông Năng
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	cac giai đoạn-		20	6	2	0	8	0	-2.0	-7.0	4	Ea Kar
	Bệnh greening	kinh doanh-	10	35	2	1	0.5	3.5	0	-1.5	-9.5	1	Ea Kar
Chanh leo	Bệnh đốm nâu	các giai đoạn-Kinh doanh-	6 - 10	12 - 18	6	3	0	9	0	-0.8	9.0	2	TX Buôn Hồ, Ea Kar
	Ruồi đục quả	các giai đoạn-	5	10	3	2	0	5	0	0.0	5.0	0	TX Buôn Hồ
	Rệp muội	ra hoa, qua non-	7	12 - 16	2	2	0	4	0	0.0	4.0	2	Ea Kar
	Bệnh héo rũ	cac giai đoạn	6	12	1	0.6	0	1.6	0	0.0	1.6	1	Ea Kar
Nhãn	Rệp sáp	qua non	10	18	2	2	0	4	0	4.0	4.0	3	Ea Kar
Sầu riêng	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	Ra đợt non-la non-chăm sóc, chín, thu hoạch-	4 - 10	12 - 23	34	5	0	39	0	0.0	32.0	36	Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar
	Bệnh đốm rong (Tảo)	Chín-thu hoạch-Các giai đoạn-	3 - 10	6 - 25	10	8	0	18	0	0.0	10.0	10	Krông Pắc, Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Bệnh thán thư	Chín-thu hoạch-chăm sóc-	3 - 5	6 - 14	8	2	0	10	0	0.0	-7.0	3	TX Buôn Hồ, Krông Pắc
	Bệnh cháy lá, chết đợt	la non	10	25	2	2	0	4	0	-3.5	-4.0	2	Ea Kar
	Bệnh thối trái	Trái xanh-	3	7 - 9	3	1	0	4	0	1.0	4.0	2	Krông Pắc
	Bệnh chảy gôm	nuôi quả-thu hoạch-chăm sóc-	3 - 8	5 - 12	3	1	0	4	0	0.0	1.0	0	TX Buôn Hồ, Krông Năng
	Rầy nháy	thu hoạch; KTCB	5 - 8	15	3	0	0	3	0	3.0	3.0	0	Krông Năng

	Bệnh thối gốc	Các giai đoạn	3	8	1	1	0	2	0	2.0	2.0	2	Krông Pắc
	Bệnh thối rễ	cac giai doan	8	18	0.8	0.5	0	1.3	0	1.3	1.3	1	Ea Kar
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Cà phê	Bệnh khô cành	quả non-KTCB	2 - 10	4 - 25	28	9	0	37	0	4.0	1.5	23	Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Rệp sáp	chăm sóc, chắc xanh	4	6 - 10	25	3	0	28	0	-4.0	3.9	19	Krông Búk, TX Buôn Hồ
	Bệnh gỉ sắt	quả non-chắc xanh	3 - 15	6 - 27	22	5	0	27	0	-0.5	-37.0	13	Krông Búk, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc
	Bệnh nấm hồng	chăm sóc, trái non-quả non-chắc xanh	3 - 5	7 - 10	17	4	0	21	0	3.0	-1.7	9	TX Buôn Hồ, Krông Búk
	Rệp vảy (xanh, nâu)	Các giai đoạn-quả non-chắc xanh	5 - 6	8 - 15	12	6	0	18	0	2.0	-26.2	6	TX Buôn Hồ, Krông Pắc
	Sâu đục thân mình hồng	KTCB-	8 - 10	20 - 25	9	2	0	11	0	0.0	2.0	5	Ea Kar
	Rụng quả cà phê	Quả non-chắc xanh	3 - 7	5	6	2	0	8	0	0.0	8.0	0	TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Bệnh đốm mắt cua	quả non-	7 - 9	25 - 26	5	2	0	7	0	2.0	0.0	5	Krông Pắc
	Bọ cánh cứng ăn lá cà phê	quả xanh-KTCB-quả xanh; KTCB	4 - 8	15	2.5	0	0	2.5	0	0.0	2.5	0	Krông Năng
Điều	Bệnh thán thư	chăm sóc-Các giai đoạn-	5 - 15	10 - 35	16	2	0	18	0	2.0	-2.0	12	Krông Búk, Ea Kar
	Bọ xít muỗi	chăm sóc-	4	8	10	0	0	10	0	1.0	-4.0	8	Krông Búk
Hỗ tiêu	Bệnh chết chậm	qua non -các giai đoạn sinh trưởng	3 - 10	7 - 25	93.4	29	13.9	136.3	0	0.0	24.5	7	Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Cư M'gar, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Búk
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạnQuả non-	2 - 8	4 - 22	46	13.8	8	67.8	0	0.0	37.3	4	Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar, Cư Kuin
	Bọ xít lười	quả non-chăm sóc, trái non-	3 - 10	10 - 18	29	5	0	34	0	-8.0	5.0	25	Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Năng
	Bệnh đốm tảo	Ra hoa-trái non	5	8 - 20	8	3	0	11	0	-2.0	-17.0	9	Krông Pắc, Krông Búk
	Tuyến trùng	quả non-	5 - 6	12 - 15	6	4	0	10	0	0.0	-9.1	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh nấm hồng	Kinh doanh-	10 - 15	30 - 35	3	4	2	9	0	-5.0	9.0	5	Ea Kar
	Bệnh khảm lá VR	Quả non-Qua non	3 - 7		3	0	0	3	0	0.0	3.0	3	Cư Kuin

	(tiêu diện)												
Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày													
Mía	Sâu đục thân	PTTL	6	18	9	3	0	12	0	-4.0	12.0	5	Ea Kar
	Bệnh phần trắng	PTTL	10	20	5	3	0	8	0	0.0	8.0	3	Ea Kar
Sắn (Mì)	Khảm lá virus	cây con-PTTL- hình thanh cu-	5 - 40	35 - 90	67	6	10	83	0	0.0	-301.0	15	Ea Súp, Ea Kar, Krông Bông
	Đốm nâu	PTTL	10	20	4	2	0	6	0	0.0	6.0	2	Ea Kar
	Bệnh lở cổ rễ	cây con-	10 - 30		1	0	0	1	0	0.0	1.0	1	Krông Bông
Nhóm cây: Cây lương thực khác													
Ngô (Bắp)	Sâu keo mùa thu	cay con, PTTL- thu hoạch-	2 - 20	25	12	1	0	13	0	-0.8	-3.8	12	Krông Búk, Ea Kar
	Đốm lá nhỏ	chín sữa, chín sáp-	6	15	5	3	0	8	0	0.0	1.0	0	TX Buôn Hồ
	Sâu đục bắp	chín sữa, chín sáp-	1	3	3	2	0	5	0	0.0	0.0	0	TX Buôn Hồ
	Đốm lá lớn	PTTL	10	20	2	1	0	3	0	0.0	3.0	3	Ea Kar
Nhóm cây: Lúa													
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	đê nhánh-phân hoá đồng	3 - 10	6 - 30	12.7	9	0	21.7	0	0.0	-7.8	15.7	Ea Kar, Krông Păk, TX Buôn Hồ, Krông Bông, Krông Năng
	Sâu đục thân (Dảnh héo)	đê nhánh-phân hoá đồng	3 - 10	5 - 20	10.5	3.5	0	14	0	-4.0	-4.5	5.5	Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Bông
	Bệnh vàng lá VK (là bệnh Đốm sọc VK)	Lam dong-Lam dong, tro	6	25	11	3	0	14	0	0.0	14.0	10	Ea Kar
	Bệnh vàng lá chín sớm	Làm đồng-trổ-sớm	4 - 10	10 - 25	10	3	0	13	0	0.0	13.0	13	Krông Păk
	Bệnh khô vằn	phân hoá đồng-Lam dong-Trổ-	5 - 10	10 - 25	8.2	2	0	10.2	0	-5.3	-40.1	7	Ea Kar, Cư Kuin, Krông Bông
	Sâu cuốn lá nhỏ	Làm đồng-trổ-đê nhánh, Làm đồng-	2 - 4	4 - 9	5	5	0	10	0	-5.0	-21.5	6	Krông Păk, TX Buôn Hồ
	Chuột	cac giai đoạn-	7 - 8	15	7	1	0	8	0	0.0	-65.5	0	Ea Kar
	Rầy nâu	Lam dong-	8	20 - 25	6	2	0	8	0	0.0	-9.0	2	Ea Kar
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	chín sữa, chín sáp	15 - 20	30	6	1	0	7	0	7.0	2.0	0	Ea Súp

	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Lam dong, tro	3 - 10	10 - 20	6	0	0	6	0	-4.3	-29.3	0	Ea Súp, TP Buôn Ma Thuột
	Bệnh đạo ôn cổ bông	Làm đồng			2	3	0	5	0	5.0	5.0	2	Cư Kuin
	Bọ trĩ (bù lạch)	đẻ nhánh, Làm đồng-	5	10	3	1	0	4	0	-2.5	1.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh thối bẹ	phân hoá đồng-Đòng-Trổ	3 - 5		3.2	0	0	3.2	0	0.0	3.2	3.2	Krông Bông
	Nghệt rể	đẻ nhánh-phân hoá đồng-Đòng-Trổ	5 - 10		1.4	0	0	1.4	0	0.4	-8.6	1.4	Krông Bông
	Bệnh vàng lá, thối rể lúa	Làm đồng	3 - 5	10	1	0	0	1	0	-12.0	1.0	1	Cư Kuin
	Ngộ độc phèn		5 - 10		0.7	0	0	0.7	0	0.0	-2.5	0.7	Krông Bông
	Rầy nâu nhỏ		500 - 1000		0.5	0	0	0.5	0	0.0	0.5	0.5	Krông Bông
Nhóm cây: Rau màu													
Cà chua	Bệnh xoắn lá	PTTL	8	12	2	0.6	0	2.6	0	0.0	2.6	2	Ea Kar
	Bệnh héo xanh	Cây con	3 - 5	7	2	0	0	2	0	0.0	2.0	2	Cư Kuin
Hành tỏi	Dòi đục lá	PTTL	8	16	0.8	0.5	0	1.3	0	1.3	-6.7	0.8	Ea Kar
	Bệnh thối gốc mốc trắng	Cây con	8	18	0.7	0.6	0	1.3	0	1.3	1.3	1	Ea Kar
Rau cải ăn lá	Sâu xám	các giai đoạn-	20	25 - 30	2.5	1	0	3.5	0	0.0	3.5	2	Ea Kar